TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2022/DS-ST
Ngày: 17-3-2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chín;

2. Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A Việt Nam.

Địa chỉ: số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A Việt Nam (theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019): ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A Việt Nam chi nhánh H, Quảng Nam; *có mặt.*

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: ông Võ Đức Tr, sinh năm 1975; *vắng mặt.*

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1937; *vắng mặt.*

+ Bà Phạm Thị D, sinh năm 1975; *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

+ Chị Võ Thị Thu Th, sinh năm 1974; *vắng mặt.*

+ Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 2001; *vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông T trình bày:

Ngày 21/08/2019, bà Lê Thị T ủy quyền cho ông Võ Đức Tr vay vốn của Ngân hàng A chi nhánh H, Quảng Nam (*sau đây gọi tắt là A*). Cùng ngày, ông Tr và A ký kết Hợp đồng tín dụng số 4222-LAV-201900430 vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: chi phí sản xuất kinh doanh đời sống của hộ gia đình quy mô nhỏ (chăn nuôi bò giống, bò thịt), thời hạn của hạn mức tín dụng: 36 tháng, lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn, lãi chậm trả: 10%/năm. Đến thời hạn trả nợ, A đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Tr phải trả nợ theo thỏa thuận, nhưng ông Tr không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, cố tình không hợp tác, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của A. Nay A yêu cầu Tòa án buộc ông Tr, bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay tính đến hết ngày 17/3/2022 là 129.252.126 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 25.287.671 đồng, lãi quá hạn là 514.247 đồng, lãi chậm trả là 3.450.208 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên. Ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các đương sự trên đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà D trình bày:

Bà và ông Tr trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn. Sau khi ly hôn, bà cùng các con là Võ Tấn Đ và Võ Tấn P chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà ở từ đó cho đến nay. Việc ông Tr vay vốn của A bà không biết, bà và các con không liên quan đến khoản vay này nên bà không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị

đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 299, 463 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Tr cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. A yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Tr, bà T, chị Th và anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Ngày 21/8/2019, bà T ủy quyền cho ông Tr vay vốn của A *(theo giấy ủy quyền số 25/HA/UQ)*. Việc ủy quyền được lập thành văn bản và được UBND thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn chứng thực nên việc ủy quyền trên là hợp pháp.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông Tr, bà T với A là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng vay đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay trên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo Hợp đồng tín dụng số 4222-LAV-201900430 ngày 21/8/2019 thì A cho ông Tr, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: chi phí sản xuất kinh doanh đời sống của hộ gia đình quy mô nhỏ (chăn nuôi bỏ giống, bỏ thịt), thời hạn của hạn mức tín dụng: 36 tháng, lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn, lãi chậm trả: 10%/năm. Theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 21/8/2019 thì kỳ hạn trả nợ gốc, lãi vào các ngày 21/8/2020, 23/8/2021 và 22/8/2022. Ông Tr đã nhận đủ số tiền Agribank giải ngân là 100.000.000 đồng, nhưng đến nay ông Tr, bà T đã không trả nợ gốc và nợ lãi theo cam kết dù A đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ. Như vậy, ông Tr, bà T đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, hợp đồng tín dụng đã quá hạn nên việc A khởi kiện yêu cầu ông Tr, bà T trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Việc vay vốn của ông Tr, bà T là nhằm mục đích phục vụ cho đời sống của hộ gia đình. Tại thời điểm vay vốn, hộ gia đình gồm bà T, ông Tr, bà D, anh Đ, anh P và chị Th. Bà D và ông Tr đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn. Bà D, chị Th, anh Đ không có văn bản ủy quyền cho ông Tr vay vốn của A. Bà D cho rằng từ khi ly hôn cho đến nay, bà và các con chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà ở nên không biết về khoản vay trên. A không yêu cầu bà D, chị Th, anh Đ trả nợ vay. Như vậy, bà D, chị Th và anh Đ không có nghĩa vụ cùng với ông Tr, bà T trả khoản vay trên cho A.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 101, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Tr, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho A tổng số tiền nợ tính đến ngày 17/3/2022 là 129.252.126 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 25.287.671 đồng, lãi quá hạn là 514.247 đồng, lãi chậm trả là 3.450.208 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Tr, bà T phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 101, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A Việt Nam về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

1. Ông Võ Đức Tr và bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 17/3/2022 là 129.252.126 *(một trăm hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm hai mươi sáu)* đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 25.287.671 đồng, lãi quá hạn là 514.247 đồng, lãi chậm trả là 3.450.208 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Tr và bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đức Tr, bà Lê Thị T phải chịu là 6.462.606 *(sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm lẻ sáu)* đồng.

Trả lại cho Ngân hàng A Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp là 2.991.739 *(hai triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi chín)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004516 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-3-2022), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ